

QUYẾT ĐỊNH

V/v tạm thời điều chỉnh diện tích rừng tại lưu vực nhà máy thủy điện Ea Krông Rou làm cơ sở thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP, ngày 26/11/2013 của Chính phủ, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP, ngày 24/09/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 60/2012/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn quy định về nguyên tắc, phương pháp xác định diện tích rừng trong lưu vực phục vụ chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư 80/2011/TT-BNNPTNT, ngày 23/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn phương pháp xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định 1379/QĐ-BNN-TCLN ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố diện tích rừng thuộc lưu vực trong phạm vi từ hai tỉnh trở lên làm cơ sở cho việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm thời điều chỉnh diện tích rừng thuộc lưu vực nhà máy thủy điện Ea Krông Rou đã được công bố tại Quyết định 1379/QĐ-BNN-TCLN ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố diện tích rừng thuộc lưu vực trong phạm vi từ hai tỉnh trở lên làm cơ sở cho việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng như sau:

TT	Tỉnh	Tiểu khu	Tổng diện tích đất có rừng (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Khánh Hòa	47, 48, 52, 60	3.643	52,1
2	Đắk Lắk	51, 58, 61, 65, 66	3.349	47,9
Tổng cộng			6.992	100

(Thông tin chi tiết theo phụ biểu 01 đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ tỷ lệ diện tích rừng của từng tỉnh trong lưu vực nhà máy thủy điện Ea Krông Rou theo Điều 1 Quyết định này, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam điều phối tiền dịch vụ môi trường rừng cho từng tỉnh sau khi trừ chi phí quản lý được trích theo quy định (0,5%).

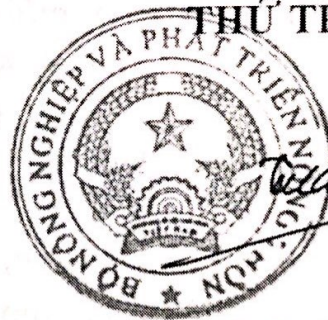
2. Ủy ban nhân dân các tỉnh có tên tại Điều 1 chỉ đạo các cơ quan liên quan và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh xác định các đối tượng được chi trả dịch vụ cung ứng với mỗi lưu vực và triển khai theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- UBND các tỉnh liên quan;
- Tập đoàn điện lực Việt Nam;
- Các nhà máy thủy điện;
- Các Vụ: KH, TC, KHCN&MT
- Tổng cục Lâm nghiệp;
- Quỹ BV&PTR Việt Nam;
- Quỹ BV&PTR các tỉnh;
- Lưu: VT, TCLN

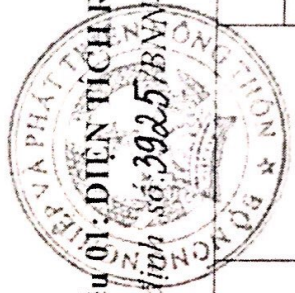
**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Hà Công Tuấn

Phụ biểu 01: DIỆN TÍCH RỪNG TRONG LƯU VỰC THỦY ĐIỆN EA KRÔNG ROU THEO TỪNG TỈNH

(Dính kèm Quyết định số 3925/BN-VN-TCLN, ngày 02 tháng 10 năm 2015, của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



Lưu vực	Tỉnh	Số liệu trước khi điều chỉnh		Số liệu sau khi điều chỉnh		Tăng giảm (+;-)	
		Diện tích rừng trong lưu vực (ha)	Tỷ lệ rừng trong lưu vực (%)	Diện tích rừng trong lưu vực (ha)	Tỷ lệ rừng trong lưu vực (%)	Diện tích rừng trong lưu vực (ha)	Tỷ lệ rừng trong lưu vực (%)
Nhà máy thủy điện Ea Krông Rou	Khánh Hòa	184	2,63	3.643	52,1	3.459	49,47
	Đắk Lắk	6.808	97,37	3.349	47,9	-3.459	-49,47
Tổng		6.992	100	6.992	100	-	-

[Handwritten Signature]